

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/HS-ST
Ngày: 26-12-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Thuỷ

Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Sinh

Ông Nguyễn Ngọc Đông

Bà Kháng Mai Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Hoàng Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ tham gia phiên tòa: Bà Nhữ Thị Thanh Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 26-12-2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2025/TLST-HS ngày 31/10/2025; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-HS ngày 12/12/2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lường Văn T**, Tên gọi khác: Không có tên gọi khác; sinh năm: 1977, tại: Tỉnh Đ. Nơi cư trú: Bản N, xã C, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Nông nghiệp; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lường Văn Y và bà Lò Thị P; bị cáo C sống như vợ chồng với Lò Thị N từ năm 1997 đến năm 2013 và sinh được 02 người con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2002; có vợ là: Lò Thị T1, sinh năm 1977 và không có con C. Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/7/2025 cho đến ngày xét xử, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trịnh Ngọc M; Luật sư thực hiện Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ (có mặt).

- Bị hại: Ông Giàng A R, đã chết.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Ông Giàng A K, sinh năm 1997; địa chỉ: Bản Đ, xã P, tỉnh Lào Cai (có mặt).

- Người làm chứng:

1. Chị Lò Thị L, sinh năm 2005; địa chỉ: Bản N, xã C, tỉnh Đ. (Vắng mặt).
2. Ông Lương Văn Đ, sinh năm 1969; địa chỉ: Bản N, xã C, tỉnh Đ. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút sáng ngày 05/10/2023, ông Giàng A R, sinh năm 1970, trú tại: Bản Đ, xã P, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái (nay là xã P, tỉnh Lào Cai) điều khiển xe mô tô mang dao đi vào Bản N, xã Nà Sáy, huyện Tuần Giáo (nay là Bản N, xã C, tỉnh Đ) để bán. Khi đi đến trước cổng nhà Lương Văn T, ông R dừng xe, còn T đang đứng ở cổng nhà. T đi đến, rút một con dao ở hòm dao buộc trên xe máy của ông R ra xem, hai người đứng đối diện nhau. T hỏi mua dao nhưng ông R chưa kịp trả lời thì T cho rằng ông R là ma nên T tiếp tục dùng tay phải rút 01 con dao nhọn bằng kim loại dài 36cm, cán dao dài 12cm, bản rộng nhất của lưỡi dao 4,5cm, sống dao dày 0,5cm, cán dao có đường kính trung bình 3cm từ hòm dao ra, đâm một nhát hướng từ trước ra sau, từ trên xuống dưới vào vùng ngực của ông R. Sau khi bị đâm, ông R giằng co với T làm xe máy đổ xuống, hai người tiếp tục vật lộn với nhau rồi ngã xuống rãnh nước cạnh đường. Khi sự việc xảy ra, chị Lò Thị T2, sinh năm 2005, trú cùng bản với T nhìn thấy và hô hoán gọi người đến cứu giúp. Sau khi ngã xuống đất, ông R nằm ngửa, đầu không còn đội mũ bảo hiểm, T cầm dao trên tay phải đâm nhiều nhát vào bụng và ngực ông R, sau đó tiếp tục rạch cổ ông R làm ông R tử vong tại chỗ. Ông Lương Văn Đ, sinh năm 1969 (anh trai ruột của T) và anh Lò Văn C, sinh năm 2000 cùng trú tại Bản N, đang gặt lúa gần đó nên nghe được tiếng hô hoán của của Lương và chạy đến. Thấy T hai tay đang cầm hai con dao ghì vào người ông R, ông Đông đi ra phía sau T, dùng hai tay giữ, giằng được con dao trên tay phải của T rơi xuống, còn anh C cầm chân của T để kéo ra khỏi người ông R. Ngay lúc đó, T vung dao bên tay trái về phía ông Đông, ông Đông tránh được và cùng anh C bỏ chạy. T dùng tay phải nhặt tiếp một con dao khác, đứng dậy khỏi người ông R và đuổi theo ông Đông. Chạy được một đoạn, T không đuổi nữa và vứt 02 con dao đang cầm trên tay xuống dưới ao nhà chị Lò Thị L ở gần đó. T quay lại chỗ xe dao của ông R lấy tiếp hai con dao khác cầm trên tay, đi bộ trên đường đến khu vực dốc đầu Bản N thì bị tổ công tác Công an xã khống chế, đưa về trụ sở để làm việc.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về tử thi số 1543 ngày 01/11/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ kết luận nguyên nhân chết của ông Giàng A R: Mất máu cấp không hồi phục do vết thương đứt động mạch cảnh bên phải và vết thương thấu tim. Cơ chế hình thành các dấu vết trên tử thi Giàng A R:

- 03 vết thương vùng cổ trước và hai bên do vật sắc nhọn tác động theo hướng từ dưới lên trên, phải qua trái, từ trước ra sau.

- 02 vết thương vùng ngực phía trước bên trái do vật sắc nhọn tác động theo hướng từ trên xuống dưới, từ phải sang trái, từ trước ra sau.

- 02 vết thương vùng lưng do vật sắc nhọn tác động theo hướng từ dưới lên trên, từ phải qua trái, từ trước ra sau.

Tại bản Kết luận giám định AND số 566/23/KLGDADN-PYQG ngày 17/10/2023 của Viện Pháp y Quốc gia – Bộ Y tế, kết luận:

- Thử định tính phát hiện nhanh vết máu người trên con dao tại vị trí số 01 trên bụng tử thi Giàng A R, chiếc quần dài màu xám của Lương Văn T, chất màu nâu tại vị trí số 5: Dương tính.

- Thử định tính phát hiện nhanh vết máu người trên 02 con dao nhọn cùng bao dao tại vị trí số 10, 02 con dao nhọn phát hiện dưới ao nhà chị Lò Thị L: Âm tính.

- ADN thu từ mẫu con dao tại vị trí số 01 trên bụng tử thi Giàng A R, chiếc quần dài màu xám của Lương Văn T, chất màu nâu tại vị trí số 5 trùng khớp hoàn toàn với ADN của Giàng A R trên tất cả các locus STR đã so sánh.

- Không thu được dữ liệu ADN đầy đủ từ 02 con dao nhọn cùng bao dao tại vị trí số 10, 02 con dao nhọn phát hiện dưới ao nhà chị Lò Thị L trên các locus STR đã phân tích nên không thể so sánh với ADN của Giàng A R.

Tại bản Kết luận giám định vật gây thương tích số 322/KL-KTHS ngày 29/01/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ, kết luận:

Đặc điểm các vết thương trên thân thể của Giàng A R theo mô tả trong tài liệu do Cơ quan trưng cầu cung cấp phù hợp với đặc tính gây thương tích của con dao gửi giám định.

Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trưng cầu số 177 ngày 02/11/2023 của Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực miền núi phía bắc – Bộ Y tế kết luận:

Lương Văn T bị rối loạn thần do rượu. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, T bị bệnh rối loạn thần do rượu, do hoang tưởng và ảo giác chi phối. T mất khả năng nhận thức và mất khả năng điều khiển hành vi. Hiện tại (thời điểm giám định) T bị bệnh rối loạn thần do rượu, do hoang tưởng và ảo giác chi phối, mất khả năng nhận thức, mất khả năng điều khiển hành vi. Căn cứ Điều 13 Bộ luật hình sự buộc Lương Văn T phải chịu trách nhiệm hình sự.

Tại Kết luận giám định sức khỏe tâm thần sau điều trị bắt buộc chữa bệnh số 42 ngày 09/7/2025 của Bệnh viện pháp y tâm thần Trung ương: Hiện tại (tại thời điểm giám định) bệnh Rối loạn thần do rượu, do hoang tưởng và ảo giác chi phối của Lương Văn T ở giai đoạn khỏi bệnh. Hiện tại T đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, không cần áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh.

Tại bản Cáo trạng số: 02/CT-VKS-P2 ngày 31/10/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ đã truy tố bị cáo Lương Văn T về tội: Giết người, theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa trong phần tranh luận đại diện

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo tù 17 đến 18 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 4 Điều 123 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS: tịch thu tiêu huỷ 05 con dao nhọn là vật không có giá trị sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị chấp nhận thỏa thuận giữa bị cáo và người bị hại.

Căn cứ Điều 136 BLTTHS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14, đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo vì Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn. Bị cáo không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

Tại Bản luận cứ bào chữa cho bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến gì về hành vi và các Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ, Kiểm sát viên. Nhất trí với Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ truy tố bị cáo về tội: Giết người theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Đề nghị HĐXX áp dụng mức thấp nhất của khung hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo không có ý kiến gì bổ sung vào Bản luận cứ bào chữa, không có ý kiến gì tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị hại ông Giàng A K có mặt đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận về bồi thường thiệt hại giữa hai gia đình được lập ngày 01/8/2025 tại bản Nà Sáy I, xã C, tỉnh Đ và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trong phần tranh luận do các ý kiến của người bào chữa đồng nhất với ý kiến đại diện Viện kiểm sát nên các bên không có tranh luận gì.

Lời nói sau cùng bị cáo xin được giảm hình phạt để sớm trở về với gia đình, ngoài ra không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của bị cáo:

Khoảng 07 giờ 30 phút, ngày 05/10/2023, ông Giàng A R điều khiển xe máy mang dao vào Bản N, xã Nà Sáy, huyện Tuần Giáo để bán, đến cổng nhà Lường Văn T, T rút một con dao ở hòm dao ra xem và hỏi mua dao nhưng ông R chưa kịp trả lời thì T cho rằng ông R là ma nên T đã dùng một con dao nhọn đâm

vào ngực, rách cổ của ông R làm ông R tử vong, nguyên nhân chết của ông R do mất máu cấp không hồi phục do vết thương đứt động mạch cảnh bên phải và vết thương thấu tim, 03 vết thương vùng cổ trước, 02 vết thương vùng ngực phía trước, 02 vết thương vùng lưng. Hành vi của bị cáo phù hợp với Kết luận giám định pháp y, lời khai của người làm chứng, Kết luận điều tra, các bản cung có trong hồ sơ vụ án cũng như Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, có tính chất côn đồ và thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, không có chứng cứ nào chứng minh bị cáo không phạm tội. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "*Giết người*" theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo là người có đủ năng lực để chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội của mình.

[2]. Về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tính mạng của con người được Bộ luật hình sự bảo vệ làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh Đ. Tội phạm mà bị cáo vi phạm là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, vì vậy cần phải bị xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[3]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo sinh ra và lớn lên tại Bản N, xã C, tỉnh Đ, học hết lớp 3/12 bỏ học ở nhà. Từ năm 1997 đến năm 2013 sống C như vợ chồng với chị Lò Thị N và sinh được 02 người con. Từ năm 2016 kết hôn với chị Lò Thị T1. Bị cáo không có tình tiết nào tăng nặng trách nhiệm hình sự; chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình và trong quá trình điều tra, bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền là 57.000.000 đồng, người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm, khi phạm tội bị cáo là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức, khả năng điều khiển hành vi, ngoài ra bị cáo có bố đẻ là ông Lương Văn Y được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51; Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy rằng bị cáo T do dùng rượu bia dẫn đến bị bệnh rối loạn loạn thần do rượu, do hoang tưởng và ảo giác bị chi phối, mất khả năng nhận thức, mất khả năng điều khiển hành vi, vì vậy Căn cứ vào Bộ luật dân sự thì bị cáo vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của mình gây ra, cần phải áp dụng một hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo, để lấy đó làm bài học và răn đe, giáo dục bị cáo.

Đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp cần được chấp nhận, đề nghị của người bào chữa về việc giảm nhẹ hình phạt thấp nhất có thể đối với bị cáo HĐXX sẽ xem xét và Quyết định.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, phạt quản chế hoặc cấm cư trú nhưng xét thấy nghề nghiệp của bị cáo là nông nghiệp, hoàn cảnh

kinh tế gia đình khó khăn, bị cáo không có tài sản có gì có giá trị, gia đình thuộc hộ nghèo. Xét đề nghị của Kiểm sát viên và người bào chữa về việc không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Tại biên bản thoả thuận ngày 01/08/2025 người đại diện hợp pháp của bị hại và vợ bị cáo là Lò Thị T1 đã thoả thuận bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại số tiền là 57.000.000 đồng, đại diện bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Xét thấy sự thoả thuận, thống nhất của đại diện hợp pháp bị hại là tự nguyện. Do vậy căn cứ vào các Điều 584, 585, 586, 591 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện này, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về hành vi và các Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến hoặc có khiếu nại gì về hành vi, Quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[6]. Biện pháp tư pháp và việc xử lý vật chứng: Căn cứ các điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự vật chứng được xử lý như sau:

* Tịch thu tiêu hủy

- Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8: Túi niêm phong màu vàng dán kín, mặt trước ghi “Mẫu chất nâu nghi máu tại vị trí số 1, 2, 3, 4, 6, 7, 8, 9, Bản N, xã Nà Sáy”.

- Khoản 10: 01 túi niêm phong màu vàng kín, mặt trước ghi: “Móng tay 10 ngón tử thi, vụ Giàng A R, ngày 05/10/2023”.

- Khoản 11: Một hộp giấy bên trong có 01 chiếc áo phông màu hồng, phía trong cổ áo có dòng chữ CECIL, áo đã cũ rách; 01 chiếc quần đùi màu đen, hai bên có may đường vải màu cam, quần đã cũ rách; một đôi dép nhựa màu trắng đục, đã cũ rách; 01 áo phông dài tay màu đen, mặt trước áo có dòng chữ BALMAIN, áo đã cũ rách; 01 chiếc dây lưng có mặt bằng kim loại, đã cũ hỏng; 01 chiếc áo khoác màu đen, trên cổ áo có dòng chữ BALSTEONR, áo đã cũ rách.

- Khoản 12: 01 hộp bìa cát tông, trên mặt hộp dán mảnh giấy niêm phong có ghi chữ “Quần dài màu xanh tím than, quần sooc màu đen, áo khoác màu đen, áo dân tộc Mông màu đen, áo sơ mi cộc tay màu đen, thắt lưng vụ Giàng A R ngày 05/10/2023”.

- Khoản 13: Một hộp cát tông trên mặt hộp dán mảnh giấy niêm phong chó ghi chữ “Đồ vật gồm 04 con dao và 01 chiếc quần thu giữ trong vụ án giết người xảy ra ngày 05/10/2023.

- Khoản 14: Một túi giấy màu vàng được dán giấy niêm phong, trên giấy ghi “Mẫu vật gửi giám định vụ Giàng A R gồm: 01 con dao nhọn bằng kim loại dài 36cm, cán dao có đường kính trung bình 03cm, trên cán dao có 02 khuy màu vàng đồng và 02 khuy màu bạc bằng kim loại”.

[9]. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự ; điểm đ khoản 1 Điều 12 ; khoản 6 Điều 15 ; điểm a, f, g khoản 1 Điều 23. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị cáo thuộc diện hộ nghèo, sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm.

[10]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lương Văn T.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lương Văn T phạm tội “*Giết người*”.

2. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lương Văn T 17 (*Mười bảy*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 22/7/2025.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào các Điều 584, 585, 586, 591 Bộ luật dân sự: Đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại và không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết. Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện này, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Biện pháp tư pháp và việc xử lý vật chứng: Căn cứ các điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự vật chứng vụ án xử lý như sau:

* Tịch thu tiêu hủy:

- Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8: Túi niêm phong màu vàng dán kín, mặt trước ghi “Mẫu chất nẫu nghi máu tại vị trí số 1, 2, 3, 4, 6, 7, 8, 9, Bản N, xã Nà Sáy”.

- Khoản 10: 01 túi niêm phong màu vàng kín, mặt trước ghi: “Móng tay 10 ngón tử thi, vụ Giàng A R, ngày 05/10/2023”.

- Khoản 11: Một hộp giấy bên trong có 01 chiếc áo phông màu hồng, phía trong cổ áo có dòng chữ CECIL, áo đã cũ rách; 01 chiếc quần đùi màu đen, hai bên có may đường vải màu cam, quần đã cũ rách; một đôi dép nhựa màu trắng đục, đã cũ rách; 01 áo phông dài tay màu đen, mặt trước áo có dòng chữ BALMAIN, áo đã cũ rách; 01 chiếc dây lưng có mặt bằng kim loại, đã cũ hỏng; 01 chiếc áo khoác màu đen, trên cổ áo có dòng chữ BALSTEONR, áo đã cũ rách.

- Khoản 12: 01 hộp bìa cát tông, trên mặt hộp dán mảnh giấy niêm phong có ghi chữ “Quần dài màu xanh tím than, quần sooc màu đen, áo khoác màu đen, áo dân tộc Mông màu đen, áo sơ mi cộc tay màu đen, thắt lưng vụ Giàng A R ngày 05/10/2023”.

- Khoản 13: Một hộp cát tông trên mặt hộp dán mảnh giấy niêm phong có ghi chữ “Đồ vật gồm 04 con dao và 01 chiếc quần thu giữ trong vụ án giết người xảy ra ngày 05/10/2023.

- Khoản 14: Một túi giấy màu vàng được dán giấy niêm phong, trên giấy ghi “Mẫu vật gửi giám định vụ Giàng A R gồm: 01 con dao nhọn bằng kim loại dài 36cm, cán dao có đường kính trung bình 03cm, trên cán dao có 02 khuy màu vàng đồng và 02 khuy màu bạc bằng kim loại”.

(Toàn bộ vật chứng của vụ án đang lưu giữ tại kho vật chứng của Công an tỉnh Đ, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật Công an tỉnh Đ và Cục thi hành án dân sự tỉnh Đ cùng phối hợp thực hiện theo quy định).

5 Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự ; điểm đ khoản 1 Điều 12 ; khoản 6 Điều 15 ; điểm a, f, g khoản 1 Điều 23. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị cáo thuộc diện hộ nghèo, sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, ngoài ra về phần bồi thường dân sự do trước khi mở phiên tòa người đại diện hợp pháp cho bị hại và gia đình bị cáo đã thỏa thuận, thống nhất bồi thường thiệt hại do vậy bị cáo được miễn án phí Hình sự sơ thẩm và không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo Lương Văn T; Người đại diện hợp pháp cho bị hại được quyền kháng cáo bản án lên Tòa Phúc thẩm – Tòa án nhân dân Tối Cao trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/12/2025).

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc 1 TAND tối cao;
- Viện công tố và phúc thẩm TANDTC;
- VKSND tỉnh Đ
- Công an tỉnh Đ (PV06, PC04);
- Phòng HSNV Công an tỉnh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- THA dân sự tỉnh Đ ;
- Bị cáo; người bào chữa;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thanh Thuỷ

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

THẨM PHÁN

Vũ Thị Thanh Thủy

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc 1 TAND tối cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Đ
- Công an tỉnh Đ (PC04);
- Phòng HSNV Công an tỉnh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- Cục THA dân sự tỉnh Đ ;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Bị cáo; người bào chữa;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thu Hương

